

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mức nước xuống nhanh.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-65cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống theo triều, mức nước cao nhất ngày 07/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-65cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch xuống nhanh, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/6 ở mức xấp xỉ cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống theo triều, đỉnh triều cao nhất ngày 07/6 ở mức 37cm, xuống 14cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

**2. Dự báo, cảnh báo**

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước trên các sông, kênh tiếp tục xuống chậm trong 2-3 ngày tới, sau đó lên trở lại.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh xuống chậm trong 2-3 ngày tới, sau đó lên lại theo triều.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong 5 ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô biến đổi với xu thế giảm chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện xâm nhập mặn trên khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé vào thời điểm triều cường.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất người dân.

**3. Ghi chú**

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 09/6/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Phan Minh Đạt**

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm**

*Đơn vị: cm*

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	07/6		06/6						08/6	09/6	10/6	11/6	12/6
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	96	-4	▼	-29	▼	-25	▼	93	90	89	93	99
					Hmin	-53	-3	▼	-64	▼	-65	▼	-55	-53	-51	-46	-39
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	106	-4	▼	-16	▼	-8	▼	104	102	104	108	115
					Hmin	-65	-5	▼	-61	▼	-41	▼	-68	-66	-64	-59	-52
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	104	-3	▼	-28	▼	-11	▼	101	99	100	102	106
					Hmin	16	-1	▼	-54	▼	-17	▼	11	9	7	8	12
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	117	-4	▼	-19	▼	-9	▼	114	111	110	114	120
					Hmin	-52	-5	▼	-63	▼	-52	▼	-54	-53	-51	-48	-42
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	119	-3	▼	-11	▼	0	◀▶	117	113	112	114	121
					Hmin	-63	-3	▼	-56	▼	-24	▼	-68	-66	-63	-58	-50
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	108	-4	▼	-19	▼	-12	▼	107	105	106	110	116
					Hmin	-64	-4	▼	-63	▼	-49	▼	-67	-65	-63	-58	-51
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	36	-4	▼	8	▲	0	◀▶	32	28	26	24	23
					Hmin	12	-8	▼	4	▲	2	▲	9	5	2	0	-2
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	42	1	▲	22	▲	16	▲	37	32	29	27	26
					Hmin	27	-10	▼	14	▲	10	▲	22	18	16	14	11
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	44	-7	▼	18	▲	5	▲	39	34	31	29	28
					Hmin	32	-10	▼	10	▲	3	▲	29	25	23	21	18
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	45	-4	▼	17	▲	11	▲	40	38	36	34	31
					Hmin	34	-10	▼	10	▲	10	▲	31	29	27	25	22
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	51	-2	▼	19	▲	12	▲	47	45	43	41	38
					Hmin	37	-9	▼	8	▲	8	▲	32	31	29	27	24
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	39	-7	▼	5	▲	0	◀▶	32	30	28	26	24
					Hmin	9	-11	▼	-3	▼	-4	▼	5	3	1	-1	-3
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	62	-8	▼	14	▲	20	▲	56	54	52	50	48
					Hmin	40	-10	▼	7	▲	10	▲	36	35	33	31	28
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	60	0	◀▶	20	▲	15	▲	54	52	50	48	46
					Hmin	33	-11	▼	8	▲	1	▲	30	29	27	25	22
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	53	-4	▼	36	▲	29	▲	45	42	40	38	35
					Hmin	38	-9	▼	31	▲	24	▲	34	33	32	31	29
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	77	-9	▼	10	▲	18	▲	69	65	61	58	56
					Hmin	52	-10	▼	4	▲	11	▲	48	44	40	37	35
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	86	-5	▼	-3	▼	8	▲	81	77	73	71	69
					Hmin	40	-7	▼	-8	▼	-1	▼	34	30	26	23	21
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	68	-5	▼	7	▲	10	▲	61	57	53	51	49
					Hmin	35	-10	▼	0	◀▶	-2	▼	27	23	19	16	14
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	60	-6	▼	12	▲	8	▲	52	50	48	46	44
					Hmin	34	-6	▼	3	▲	0	◀▶	30	28	25	22	19
Cái Sắn	Tân	90	120	150	Hmax	45	-6	▼	12	▲	7	▲	35	33	31	29	27





